

BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Tài liệu tham khảo

*Tài liệu này đã được Ban Gia đình Xã hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
xuất bản với sự tài trợ của UNFPA và SDC*

Vũ Mạnh Lợi
Hà nội 2007

PHẦN I: BÌNH ĐẲNG GIỚI	3
1.1. Giới thiệu	3
1.2. Từ "bình đẳng nam-nữ" đến "bình đẳng giới"	4
1.3. Các vấn đề giới ở Việt Nam hiện nay	19
PHẦN II. PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH.....	30
2.1. Khái niệm Bạo lực trên cơ sở giới và bạo lực gia đình	30
2.2. Bạo lực trong gia đình ở Việt Nam.....	34
2.3. Các dạng bạo lực gia đình.....	41
2.4. Các chính sách của Đảng và nhà nước về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình.....	44
2.5. Hiểu biết pháp luật về phòng chống bạo lực gia đình của người dân	45
2.6. Các nguyên nhân của bạo lực gia đình	48
2.7. Kinh nghiệm hoạt động phòng chống bạo lực gia đình ở Việt Nam.....	51
PHẦN III. HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG THÚC ĐẨY BÌNH ĐẲNG GIỚI, PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH	56
TÀI LIỆU THAM KHẢO	61

PHẦN I: BÌNH ĐẲNG GIỚI

1.1. Giới thiệu

Bình đẳng nam-nữ là vấn đề luôn được Đảng và Bác Hồ quan tâm trong suốt chặng đường cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều này đặc biệt có ý nghĩa và thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng và Bác Hồ khi cách mạng nước ta xuất phát từ một chế độ thuộc địa và phong kiến, nơi phụ nữ có địa vị thấp kém, không được ngang bằng với nam giới. Với ngọn cờ nam nữ bình quyền, người phụ nữ dần dần được giải phóng khỏi gông cùm của tư tưởng phong kiến, trọng nam khinh nữ, được huy động tham gia vào sự nghiệp chung của dân tộc và họ đã có đóng góp to lớn trên tất cả các phương diện trong suốt cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc trước đây cũng như trong sự nghiệp xây dựng đất nước cho đến ngày nay. Không phải ngẫu nhiên mà trong hàng ngũ những nhà lãnh đạo cao nhất của nước ta ngay từ ngày đầu cách mạng cho đến nay đã có những phụ nữ như Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Thị Định, Nguyễn Thị Bình, Trương Mỹ Hoa, Nguyễn Thị Doan, và nhiều người khác. Luật Hôn nhân và Gia đình đầu tiên của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam) được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 1959 đã "xóa bỏ những tàn tích còn lại của chế độ hôn nhân phong kiến cưỡng ép, trọng nam khinh nữ" (Điều 2), và khẳng định "Nhà nước bảo đảm việc thực hiện đầy đủ chế độ hôn nhân tự do và tiến bộ, một vợ một chồng, nam nữ bình đẳng" (Điều 1).

Kể từ năm 1954 ở miền Bắc và từ năm 1975 trên phạm vi cả nước, nhân dân ta đã được sống dưới chế độ mới do Đảng lãnh đạo. Nam nữ bình đẳng luôn luôn là chính sách được Đảng và nhà nước ta theo đuổi. Phụ nữ được tạo điều kiện học tập, lao động, và phát triển về mọi mặt. Vậy tại sao ngày nay ta vẫn còn nói đến bình đẳng nam-nữ? Tại sao lại dùng từ "bình đẳng giới" thay cho "bình đẳng nam-nữ"? Phải chăng sau bao nhiêu năm sống trong chế độ đề cao bình đẳng nam-nữ phụ nữ vẫn chưa được bình đẳng với nam giới? Vì sao có tình hình đó và chúng ta phải làm gì để có thể cải thiện tình hình? Phần này sẽ giúp trả lời những câu hỏi này.

1.2. Từ "bình đẳng nam-nữ" đến "bình đẳng giới"

Quan niệm về bình đẳng nam-nữ thay đổi cùng với những nhận thức xã hội mới

Thời phong kiến, từ nhỏ phụ nữ đã được dạy dỗ cẩn thận về đạo Tam tòng "*tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử*", nghĩa là khi còn ở nhà với cha mẹ thì phải vâng lời cha mẹ, khi đi lấy chồng thì phải nghe chồng, chồng chết thì phải nghe theo con trai. Họ cũng được dạy đạo Tứ đức, bao gồm *công, dung, ngôn, hạnh*, nghĩa là phải khéo trong nữ công gia chánh, phải gọn gàng sạch sẽ và đáng điệu thanh lịch, phải ăn nói dịu dàng khoan thai, phải nét na, kính trên nhường dưới, chiều chồng thương con, ra ngoài xã hội thì nhu mì, khiêm tốn (Bính 1913 (bản in 2003)). Trong khi đó, người chồng thì không phải theo những đạo lý dành riêng cho phụ nữ này. Trong sách Việt nam Phong tục, Phan Kế Bính (bản in năm 2003 của NXB Văn hóa-Thông tin, trang 87) có viết:

Chỉ người đàn ông được tự do nghĩa là muốn chơi bởi gì thì chơi, muốn đi lại đâu thì đi lại, người vợ không có quyền ngăn cấm được, mà vợ hơi có điều tiếng gì trái gia pháp thì chồng có thể chửi mắng được, đánh đập được.

Tục tảo hôn và chế độ đa thê đã dày vò nhiều phụ nữ cả về thể xác lẫn tinh thần, biến họ thành cái máy đẻ và người lao động không công cho nhà chồng. Cảnh chua xót của thân phận người phụ nữ được khắc họa rất rõ nét trong nhiều vần thơ bất hủ của nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương (các bài thơ *Thân phận người đàn bà*, *Làm lẽ*, và nhiều bài khác). Lễ giáo phong kiến có 7 điều cấm (gọi là *thất xuất*) đối với người vợ mà nếu phạm phải sẽ bị đuổi. Đó là (1) không có con trai, (2) dâm dăng, (3) không thờ phụng cha mẹ chồng, (4) lảm điều, (5) trộm cắp, (6) ghen tuông, và (7) có bệnh hiểm nghèo có thể lây lan (Phan Kế Bính 1913, theo bản in năm 2003). Không có những quy định tương tự cho nam giới.

Thời phong kiến, phụ nữ không được đi học như nam giới không phải vì họ kém cỏi, mà bởi vì xã hội thời đó trọng nam khinh nữ. Lịch sử cũng đã ghi rằng năm Giáp Ngọ thời nhà Mạc (1594), một phụ nữ tài năng tên là Nguyễn

Thị Duệ muốn đi thi buộc phải giả trai¹. Ở ngoài xã hội, phụ nữ không có vai trò gì đáng kể. Phụ nữ không được tham gia các tổ chức hành chính và các tổ chức phi hành chính của làng Việt cổ truyền như phe, hội, phường, giáp (Minh 1952 (bản in năm 1970)).

MỤC DÀNH CHO PHỤ NỮ: VỀ SỰ BẤT CÔNG

Quảng Châu, 4-4-1926

Đại Đức Khổng Tử nói: Chồng phải dạy vợ

Đức Mạnh Tử lại lưu ý rằng: Đàn bà và trẻ con khó dạy bảo: nếu cho họ gần thì họ khinh nhờn; nếu bỏ mặc họ thì họ thù oán.

Người Trung Quốc thường so sánh phụ nữ với con gà mái: "Gà mái gáy báo sáng là điềm gỡ cho cả gia đình".

Ở An Nam, chúng ta nói: Đàn bà phải quanh quẩn trong bếp.

Trong xã hội và trong gia đình, người phụ nữ bị hạ thấp tột bậc và không được hưởng chút quyền gì. Hỡi chị em! Vì sao chị em lại phải chịu sự áp bức bất công này?

MỘNG LIÊN (bí danh của Hồ Chí Minh)

Trích Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 2, trang 448

Những bất bình đẳng nam nữ nêu trên là những bất bình đẳng dễ thấy. Sau cách mạng, Hiến pháp và luật pháp của chính quyền nhân dân do Đảng và Bác Hồ lãnh đạo đã xóa bỏ về mặt pháp lý những bất bình đẳng kể trên, khẳng định quyền bình đẳng giữa nam và nữ. Điều 9, Hiến Pháp năm 1946 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là Cộng hòa XHCN Việt Nam, có nêu rõ "đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện". Nguyên tắc bình đẳng nam nữ này được thể hiện cụ thể hơn trong Luật Hôn nhân và Gia đình được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 1959, theo đó "nhà nước bảo đảm việc thực hiện đầy đủ chế độ hôn nhân tự do và tiến bộ, một vợ một chồng, nam nữ bình đẳng" (Điều 1), và "xóa bỏ những tàn tích còn lại của chế độ hôn nhân phong kiến cường ép, trọng nam khinh nữ"

¹ Năm ấy bà Nguyễn Thị Duệ đỗ trạng nguyên, và trở thành người phụ nữ đầu tiên của nước ta đỗ tiến sĩ. Người đời sau lập đền thờ bà tại hậu cung Văn miếu Mao Điền thuộc tỉnh Hải Dương (theo website của Đảng Cộng sản Việt Nam).

(Điều 2). Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi vào các năm 1986 và 2000 cũng khẳng định rõ ràng quyền bình đẳng giữa nam và nữ.

Trong chế độ mới, phụ nữ được đi học, được tạo điều kiện làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp, công sở của nhà nước, tham gia các công tác xã hội, có quyền bầu cử và ứng cử như nam giới, và nhiều phụ nữ đã tham gia bộ máy quản lý lãnh đạo ở tất cả các cấp chính quyền. Nhận thức của nam giới về bình đẳng nam-nữ cũng thay đổi nhiều. Phụ nữ ngày nay nhìn chung được tôn trọng cả trong gia đình và ngoài xã hội. Có thể nói cách mạng nước ta cũng đồng thời là cách mạng giải phóng phụ nữ.

Sau nhiều năm sống dưới chế độ mới, nhiều người đã nghĩ rằng ở nước ta không còn bất bình đẳng giữa nam và nữ. Những khác biệt giữa nam và nữ chỉ là sự khác nhau do thiên chức của nam khác thiên chức của nữ mà thôi. Đạo Tam Tòng ngày nay không còn phổ biến nữa, nhưng đạo Tứ Đức (công, dung, ngôn, hạnh) vẫn được nhiều người cho là còn nguyên giá trị vì nó phản ánh "thiên chức" của người phụ nữ (Franklin 2001). Người ta thường nói đảm đang việc nhà là thiên chức của phụ nữ. Phụ nữ phải là người đảm đương chủ yếu các công việc nội trợ như cơm nước, giặt giũ, quét dọn nhà cửa, chăm sóc con cái, và nhiều việc khác trong gia đình trong khi nam giới không làm nội trợ hoặc cùng lắm chỉ phụ giúp.

*Ăn cơm xong bà vợ rửa chén bát không thể nói là bất bình đẳng.
Nó thể hiện sự phân công lao động... Ăn chơi và nhậu chắc nam
giới nhiều hơn phụ nữ, điều này phụ nữ không thể nói mấy ông
nam giới được mà do giới tính của mình.*

Nam nông dân trẻ ở Huế

(trích trong (Franklin 2001), trang 51).

Phụ nữ cũng thường được xem như người yếu đuối, không quyết đoán, không có tầm nhìn xa bằng nam giới nên không thể làm trụ cột trong gia đình được, không thể có tiếng nói quyết định những việc hệ trọng của gia đình.

Em thấy thứ nhất là tính cách, coi như là em thấy tính cách người đàn ông phải mạnh mẽ. Và cái thứ hai nữa là về cái mặt trí tuệ rất quan trọng vì trong cuộc sống hàng ngày, người đàn ông có chi nữa thì người ta nói người đàn ông phải trên người phụ nữ một cái đầu.

Nữ buôn bán ở Huế

(trích trong (Franklin 2001), trang 76).

Điều này cũng được nhiều người xem là sự khác biệt về "thiên chức" giữa nam và nữ, là điều không tránh khỏi. Bình đẳng nam-nữ, vì vậy, chỉ có ý nghĩa tương đối.

Sự khác biệt giữa phụ nữ và nam giới đã quy định cái vẫn thường được gọi là Thiên chức. Thiên chức đó quy định vai trò của họ. Điều đó có nghĩa là bình đẳng có ý nghĩa tương đối.

Nam sinh viên ở Hà nội

Bình đẳng là đúng, nhưng bình đẳng không có nghĩa là phải bằng nhau. Cần phải trả người phụ nữ về đúng chức năng của họ là cách tốt nhất.

Nam công nhân ở Thái Nguyên

(trích trong (Franklin 2001), trang 50)

Điều đáng lưu ý ở đây là quan niệm về thiên chức như nêu trên, và kèm theo nó là gánh nặng công việc gia đình của phụ nữ, những hạn chế của họ trong việc ra quyết định, học tập, lao động, tham gia công tác xã hội, tham gia quản lý, lãnh đạo chẳng những là quan niệm của nam giới mà còn được nhiều phụ nữ chia sẻ. Nhiều phụ nữ và nam giới khác lại không đồng ý với quan điểm này và cho rằng phụ nữ ngày nay chưa được bình đẳng với nam giới (Franklin 2001).

"Thiên chức" có thể hiểu là những đặc tính "trời phú", có sẵn trong người phụ nữ ngay từ khi lọt lòng mẹ. Đúng là ngay từ khi sinh ra, phụ nữ và nam giới đã khác nhau thể hiện ở những đặc điểm sinh học như cấu tạo cơ thể và các bộ phận sinh dục. Khi trưởng thành, phụ nữ có thể mang thai, sinh đẻ, nuôi con bằng sữa mẹ, trong khi nam giới có thể sản xuất ra tinh trùng để thụ thai. Những khác biệt giữa nam và nữ này là dễ thấy và có lẽ không có ai cho rằng những khác biệt đó là bất bình đẳng nam-nữ. Tuy nhiên, những khác biệt giữa nam và nữ trong địa vị xã hội, trong gia đình, trong học tập, lao động, và thăng tiến như nêu trên có phải là "thiên chức" không là điều còn gây nhiều tranh cãi ở nước ta hơn nhiều.

Những điều nói trên cho thấy cần phân biệt những đặc tính sinh học có sẵn từ lúc lọt lòng và những đặc tính có được do nam và nữ học được từ truyền thống, phong tục tập quán, trong quá trình giáo dục và giao tiếp xã hội. Nói cách khác, để hiểu rõ những khác biệt giữa nam và nữ nào là do "thiên chức", do sự khác nhau về sinh học, và những khác biệt giữa nam và nữ nào không phải do "thiên chức" mà chỉ là quan niệm bất bình đẳng, ta cần tách riêng những đặc tính sinh học với các đặc tính có nguồn gốc văn hóa, kinh tế, hay xã hội của nam và nữ.

Khái niệm "**giới tính**" và khái niệm "**giới**" được sử dụng chính là để phân biệt sự khác nhau giữa nam và nữ nào là do "thiên chức" và sự khác nhau nào không phải là do "thiên chức". Những khác biệt giữa nam và nữ do "thiên chức", hay "thiên bẩm", "trời phú", sinh ra đã có là những khác biệt hầu như không thay đổi được trong suốt cuộc đời con người. Những khác biệt giữa nam và nữ nảy sinh do người ta học được từ gia đình, nhà trường, và giao tiếp xã hội chứ không phải sinh ra đã có mới là cái tạo nên sự bất bình đẳng nam-nữ mà ta cần phải đấu tranh để xóa bỏ.

Khái niệm "giới và "giới tính"

Giới tính:

Điều 5, Luật Bình đẳng giới có nêu rõ "*giới tính* chỉ các đặc điểm sinh học của nam, nữ".

Giới tính chỉ sự khác nhau về mặt sinh học giữa nam và nữ từ khi sinh ra đã có.

Sự khác nhau này được thể hiện ở vóc dáng, giọng nói, bộ phận sinh dục; nam giới có tinh trùng; phụ nữ có khả năng mang thai, đẻ con, và nuôi con bằng sữa mẹ, và nhiều sự khác nhau về sinh học trong cơ thể nam và nữ khác.

Giới:

Điều 5, Luật Bình đẳng giới có nêu rõ "*giới* chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội".

Giới chỉ khác biệt giữa nam và nữ nảy sinh do người ta học được từ gia đình, nhà trường, và giao tiếp xã hội chứ không phải sinh ra đã có.

Khi nói đến "giới" ta nói đến vai trò, trách nhiệm và quyền lợi mà xã hội gán cho nam và nữ trong một nền văn hoá, một xã hội và một thời điểm nhất định. Nói cách khác, "giới" chỉ những hành vi và những điều mà mọi người mong muốn thấy ở nam và nữ. Những cách nghĩ, cách ứng xử này không phải "trời sinh ra thế", mà do nam và nữ học được trong quá trình trưởng thành và giao tiếp xã hội. Những điểm khác biệt về xã hội giữa nam và nữ là do ảnh hưởng của nền giáo dục, của văn hoá truyền thống và những quan niệm xã hội tồn tại từ thế hệ này sang thế hệ khác. Những vai trò, trách nhiệm xã hội, và quyền lợi gán cho nam và nữ này có thể thay đổi được cùng với tiến bộ trong nhận thức xã hội về bình đẳng nam nữ.

Như vậy, khái niệm "giới tính" hoàn toàn khác với khái niệm "giới". Sau đây, hai khái niệm này sẽ được sử dụng mà không để trong ngoặc kép.

Sự khác nhau giữa giới và giới tính:

<i>Giới tính</i>	<i>Giới</i>
Đặc điểm về sinh học khác nhau	Cách ứng xử, vai trò, hành vi

<i>Giới tính</i>	<i>Giới</i>
<p>giữa nam và nữ (sinh ra đã có)</p> <p>Ví dụ: Vóc dáng, giọng nói, cơ quan sinh dục; Nam giới có tinh trùng và có thể làm cho phụ nữ thụ thai; Nữ giới có trứng, có khả năng mang thai, sinh con, cho con bú bằng sữa mẹ.</p>	<p>mà xã hội mong đợi ở nam và nữ (không phải sinh ra đã có)</p> <p>Ví dụ: Chồng là trụ cột trong gia đình, phụ nữ luôn phụ thuộc vào nam giới; chồng chỉ làm những việc lớn, vợ phải giỏi nội trợ.</p>
<p>Người ta khi sinh ra đã thuộc về một giới tính nhất định và không thay đổi theo thời gian.</p> <p>Ví dụ: một người sinh ra đã biết là trai hay gái căn cứ vào các đặc điểm sinh học của cơ thể.</p>	<p>Người ta học và nhập tâm về các vai trò giới trong quá trình trưởng thành và giao tiếp xã hội, điều này có thể thay đổi theo thời gian.</p> <p>Ví dụ: Nam không nấu cơm không phải vì họ không có khả năng về mặt sinh học để nấu cơm mà vì từ nhỏ đến lớn họ được gia đình và xã hội dạy rằng đó là việc của phụ nữ và họ không được dạy để làm việc đó. Nếu xã hội thay đổi quan niệm và dạy cho cả nam và nữ cùng nấu cơm thì khi lớn lên cả nam và nữ sẽ cùng chia sẻ việc nấu cơm một cách bình đẳng.</p>
<p>Quan niệm về giới tính của một người ở nơi nào cũng vậy.</p> <p>Ví dụ: Một người sinh ra đã là nam (hay nữ) thì đi đâu cũng được coi là nam (hay nữ).</p>	<p>Quan niệm về các vai trò giới khác nhau theo phong tục tập quán, theo vùng, và thời gian .</p> <p>Ví dụ: ở người Kinh, khi kết hôn cô dâu phải về nhà chồng (vai trò của cô dâu); ở một số dân tộc ở Tây Nguyên, khi kết hôn, chú rể phải về nhà vợ (vai trò của chú rể).</p> <p>Thời phong kiến, nam giới có thể có nhiều vợ; ngày nay nam giới chỉ có thể có một vợ (thay đổi</p>